

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

V/v đấu giá quyền sử dụng 60 lô đất ở xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
(MBQH khu dân cư Tân Ngừ 2 và MBQH khu dân cư chợ Bán, thôn 5).

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá:

Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: UBND huyện Yên Định.

Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tài sản đấu giá, địa điểm, mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng: Quyền sử dụng 60 lô đất ở tại xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thuộc Mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Tân Ngừ 2, xã Định Long, huyện Yên Định, được phê duyệt tại Quyết định số 333/QĐ-UBND, ngày 09/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định và Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư chợ Bán, thôn 5, xã Định Long, huyện Yên Định, được phê duyệt tại Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Yên Định.

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Thời gian sử dụng: Lâu dài.

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản: Từ ngày 14/04/2025 đến hết ngày 16/04/2025.

- Địa điểm: Tại thực địa khu đất đấu giá Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (MBQH khu dân cư Tân Ngừ 2 và MBQH khu dân cư chợ Bán, thôn 5).

(Lưu ý: Khách hàng tham gia đấu giá có thể chủ động đi xem thực địa khu đất đấu giá hoặc liên hệ trực tiếp với công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín trong thời gian trên để được hướng dẫn). (Trong giờ hành chính)

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Công sở UBND xã Định Long: Từ 07h30 Ngày 09/04/2025; đến 17h00 ngày 21/04/2025.

+ Tại Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín: Từ 7h30 ngày 08/04/2025 đến 17h00 ngày 23/04/2025 (Buổi sáng từ 7h30 đến 11h30, Chiều từ 13h30 đến 17h00).

***Khách hàng lưu ý thời gian cuối cùng bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:**

- Tại UBND xã Định Long: Đến 17h ngày 21/04/2025.

- Tại Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín. Đến 17h ngày 23/04/2025.

Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

- 02 bản photo CCCD có gắn chip hoặc CMND/CCCD chưa gắn chip thì kèm theo giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy tờ chứng minh đã nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá.
- Hợp đồng ủy quyền (nếu có).

Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá xin lưu ý về thời gian mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và nộp hồ sơ tham gia đấu giá theo đúng thời gian đã quy định.

7. Diện tích, Giá khởi điểm tài sản đấu giá (kèm theo phụ lục chi tiết)

- Diện tích từ: 100 m²/ 01 lô đất đến 196.79m²/ 01 lô đất.
- Giá khởi điểm: Từ 400.000.000đồng/01 lô đất đến 1.604.448.000 đồng/01 lô đất. (Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm tiền lệ phí trước bạ, tiền phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuế khác (nếu có))

8. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ 100.000 đồng - 200.000 đồng/01 hồ sơ. (Hồ sơ đã mua không hoàn trả hoặc đổi lại).
- Tiền đặt trước: Từ 80.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ đến 320.889.600 đồng/01 bộ hồ sơ..

9. Thời gian nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền hoặc chuyển tiền đặt trước vào tài khoản thanh toán riêng của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín.

***Thông tin cụ thể như sau:**

- + Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín
- + Số tài khoản: 105.597.6666 tại Ngân hàng Vietcombank-CN Thanh Hóa.
- + Nội dung nộp tiền: [Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá CMND/CCCD]- Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá..... (số lượng lô đất) xã Định Long.

*** Thời gian nộp tiền đặt trước**

Từ 07h30phút ngày 08/04/2025 đến 17h00 ngày 23/04/2025.

(Khách hàng lưu ý: Tiền đặt trước của khách hàng tham gia đấu giá “báo có” trong tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín chậm nhất là đến 17 giờ 00 phút ngày 23/04/2025)

10. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá đối với từng lô đất, bằng bỏ phiếu kín trực tiếp một vòng tại phiên đấu giá; người có mức giá trả cao nhất là người trúng đấu giá, không được thấp hơn giá khởi điểm và phải có ít nhất từ 02 phiếu trả giá hợp lệ trở lên.

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

(Chi tiết tại khoản 2, Điều 9 quy chế cuộc đấu giá)

11. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

- Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Khoản 4, Điều 125, Luật Đất đai năm 2024.
- Phải nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị thửa đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.
- Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.



- Một cá nhân có thể đăng ký tham gia đấu giá nhiều lô đất (nhưng phải nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiền đặt trước tương ứng với số lô tham gia), trong một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá lô đất đó.
- Khách hàng phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước hợp lệ vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín theo đúng thời gian đã quy định.
(Chi tiết theo Điều 6 Quy chế đấu giá).

12. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian: Bắt đầu từ 08h00 ngày 27/04/2025.
- Địa điểm tổ chức: Tại Hội trường UBND xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Khách hàng lưu ý khi đi tham gia đấu giá mang theo CMND/CCCD gốc; giấy nộp tiền; hợp đồng ủy quyền tham gia đấu giá (nếu có).

Khách hàng tham gia đấu giá tài sản nếu cần biết thêm thông tin chi tiết thì liên hệ:

Mai Hải Hường - Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín; Khu 5, TT Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Số ĐT: 0989.721.669 hoặc 02373 510 368 (Trong giờ hành chính).

(Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông báo này lên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa)

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng TB);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa (để đăng TB);
- Báo Thanh Hóa (để đăng TB);
- UBND huyện Yên Định (để niêm yết);
- UBND xã Định Long (để niêm yết);
- Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín (để niêm yết);
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu VP.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



DANH SÁCH LÔ ĐẤT ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ XÃ ĐỊNH LONG

(Kèm theo Thông báo số 20/TB-BT ngày 05/04/2025 của Công ty đấu giá hợp danh Bảo Tín)

ST T	Ký hiệu lô	Diện tích (m2)	Giá đất cụ thể đồng/m2	Hệ số	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (Đồng)	Tiền mua hồ sơ (Đồng/01 lô đất)	Ghi chú
I. Khu LK5								
1	LK5:08	126.00	6,000,000	1.00	756,000,000	151,200,000	100,000	
2	LK5:09	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
3	LK5:10	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
4	LK5:11	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
5	LK5:12	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
6	LK5:13	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
7	LK5:14	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
8	LK5:15	126.00	6,000,000	1.00	756,000,000	151,200,000	100,000	
9	LK5:16	126.00	6,000,000	1.00	756,000,000	151,200,000	100,000	
10	LK5:17	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
11	LK5:18	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
12	LK5:19	108.00	6,000,000	1.00	648,000,000	129,600,000	100,000	
13	LK5:20	115.50	9,000,000	1.20	1,247,400,000	249,480,000	200,000	Hai mặt đường
14	LK5:21	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
15	LK5:22	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
II. Khu LK7								
1	LK7:01	148.56	9,000,000	1.20	1,604,448,000	320,889,000	200,000	Hai mặt đường
2	LK7:02	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
3	LK7:03	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
4	LK7:04	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
5	LK7:05	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
6	LK7:06	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
7	LK7:07	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
8	LK7:08	148.39	9,000,000	1.20	1,602,612,000	320,522,000	200,000	Hai mặt đường
9	LK7:09	148.51	6,000,000	1.20	1,069,272,000	213,854,000	200,000	Hai mặt đường

10	LK7:10	120.00	6,000,000	1.00	720,000,000	144,000,000	100,000	
11	LK7:11	120.00	6,000,000	1.00	720,000,000	144,000,000	100,000	
12	LK7:12	120.00	6,000,000	1.00	720,000,000	144,000,000	100,000	
13	LK7:13	120.00	6,000,000	1.00	720,000,000	144,000,000	100,000	
14	LK7:14	117.96	7,000,000	1.00	825,720,000	165,144,000	100,000	
15	LK7:15	117.96	7,000,000	1.00	825,720,000	165,144,000	100,000	
16	LK7:16	152.78	7,000,000	1.20	1,283,352,000	256,670,000	200,000	Hai mặt đường
III.	Khu LK8							
1	LK8:01	125.50	9,000,000	1.00	1,129,500,000	225,900,000	200,000	
2	LK8:02	124.52	9,000,000	1.00	1,120,680,000	224,136,000	200,000	
3	LK8:03	119.04	9,000,000	1.20	1,285,632,000	257,126,000	200,000	Hai mặt đường
4	LK8:04	117.00	6,000,000	1.00	702,000,000	140,400,000	100,000	
5	LK8:05	117.00	6,000,000	1.00	702,000,000	140,400,000	100,000	
6	LK8:06	117.00	6,000,000	1.00	702,000,000	140,400,000	100,000	
7	LK8:07	117.00	6,000,000	1.00	702,000,000	140,400,000	100,000	
8	LK8:08	126.20	6,000,000	1.00	757,200,000	151,440,000	100,000	
IV.	Khu LK9							
1	LK9:01	131.77	9,000,000	1.20	1,423,116,000	284,623,000	200,000	Hai mặt đường
2	LK9:02	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
3	LK9:03	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
4	LK9:04	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
5	LK9:05	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
6	LK9:06	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
7	LK9:07	120.00	9,000,000	1.00	1,080,000,000	216,000,000	200,000	
8	LK9:08	132.77	9,000,000	1.20	1,433,916,000	286,783,000	200,000	Hai mặt đường
9	LK9:09	148.71	7,000,000	1.00	1,040,970,000	208,194,000	200,000	
10	LK9:10	148.50	7,000,000	1.00	1,039,500,000	207,900,000	200,000	
11	LK9:11	148.28	7,000,000	1.00	1,037,960,000	207,592,000	200,000	
12	LK9:12	148.06	7,000,000	1.00	1,036,420,000	207,284,000	200,000	
13	LK9:13	147.85	7,000,000	1.00	1,034,950,000	206,990,000	200,000	
14	LK9:14	196.79	7,000,000	1.00	1,377,530,000	275,506,000	200,000	

15	LK9:15	165.42	6,000,000	1.00	992,520,000	198,504,000	100,000	
16	LK9:16	142.84	6,000,000	1.00	857,040,000	171,408,000	100,000	
17	LK9:17	143.82	6,000,000	1.00	862,920,000	172,584,000	100,000	
18	LK9:18	144.80	6,000,000	1.00	868,800,000	173,760,000	100,000	
19	LK9:19	145.78	6,000,000	1.00	874,680,000	174,936,000	100,000	
20	LK9:20	146.76	6,000,000	1.00	880,560,000	176,112,000	100,000	
V.	MBQH KDC Chợ Bần, thôn 5							
1	LK1-2	100.00	4,000,000	1.00	400,000,000	80,000,000	100,000	
Tổng công		3 807.54			56,820,418,000	11,364,081,000		

10